

KẾ HOẠCH
Tổ chức triển khai, thực hiện các giải pháp phát triển
nuôi tôm nước lợ năm 2020

Theo Kế hoạch số 03/KH-SNN, ngày 13/01/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Sóc Trăng về tổ chức triển khai, thực hiện các giải pháp phát triển nuôi tôm nước lợ năm 2020,

UBND huyện Trần Đề xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp phát triển tôm nước lợ năm 2020 trên địa bàn, với các nội dung như sau:

I. Đặc điểm tình hình

Nuôi trồng thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2019 được 6.446,7 ha, diện tích thả tôm nước lợ 5.170 ha, trong đó tôm sú 1.111 ha (QC 597,3 ha, TC 514 ha) và tôm thẻ 4.058,7 ha. Sản lượng nuôi trồng 31.353,9 tấn, trong đó tôm sú 2.053,9 tấn, tôm thẻ 26.950,3 tấn, thủy sản khác 2.349,7 tấn. Tuy nhiên, nghề nuôi tôm vẫn còn mang tính rủi ro rất cao trước những bất lợi về thời tiết, bất lợi về tình hình bệnh trên tôm diễn biến phức tạp, tình hình giá tôm nguyên liệu sụt giảm làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh tế của người nuôi, thiệt hại 4,29% diện tích thả giống (giảm 3,1 ha so cùng kỳ). Trong đó, nguyên nhân chủ yếu là do các yếu tố môi trường bị biến động gây sốc cho tôm đây là cơ hội để bệnh có nguy cơ bùng phát bệnh hoại tử gan tụy, đốm trắng, phân trắng, vi bào tử trùng,... để hướng tới mục tiêu phát triển ổn định tôm nước lợ, hạn chế thiệt hại cho vụ nuôi năm 2020, UBND huyện đã chỉ đạo ngành chuyên môn tham mưu xây dựng Kế hoạch tổ chức triển khai, thực hiện các giải pháp phát triển nuôi tôm nước lợ năm 2020 để làm cơ sở chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, phối hợp cùng các sở ban ngành, địa phương tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch về diện tích, sản lượng và giảm tỷ lệ thiệt hại trên tôm nuôi ở mức thấp nhất.

II. Mục tiêu kế hoạch

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch 107/KH-UBND, ngày 09/10/2018 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc phát triển ngành tôm tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025, huyện Trần Đề cũng định hướng phát triển ngành tôm hướng tới sản xuất sạch, ứng dụng công nghệ cao, là ngành kinh tế mũi nhọn, bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái; Nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất và sức cạnh tranh của sản phẩm tôm Việt Nam; Mang lại lợi ích cho người dân, doanh nghiệp và nền kinh tế huyện, tỉnh nhà.

- Bám sát nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 2020:

- Kế hoạch diện tích nuôi trồng thủy sản 5.400 ha, trong đó tôm nước lợ là 4.150 ha.

- Kế hoạch tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 30.300 tấn (trong đó tôm nước lợ 28.100 tấn).

III. Nội dung và giải pháp thực hiện

1. Thực hiện Tái cơ cấu và đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến Luật thủy sản năm 2017 và Kế hoạch “Tái cơ cấu ngành nông nghiệp huyện Trần Đề theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững”; Kế hoạch số 107/KH-UBND ngày 09/10/2018 về phát triển ngành tôm tỉnh Sóc Trăng đến năm 2025 theo Quyết định số 79/Q -TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia phát triển ngành tôm Việt Nam đến năm 2025; Quyết định 787/Q Đ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt bổ sung danh mục sản phẩm quốc gia thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ thi công đối với các công trình chuyển tiếp, nhất là các công trình thủy lợi, phòng chống hạn, xâm nhập mặn, ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo đủ nguồn nước cho các vùng nuôi.

2. Tổ chức sản xuất, phát triển thị trường tiêu thụ

Tăng cường quản lý vùng nuôi theo Luật Thủy sản, phối hợp với các đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện cấp mã số nhận diện ao nuôi các đối tượng nuôi chủ lực theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản và Quyết định số 50/2018/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ Quy định đối tượng thủy sản nuôi chủ lực;

Tập trung vào công tác tổ chức sản xuất, quan tâm thúc đẩy phát triển theo hướng kinh tế tập thể, xây dựng chuỗi liên kết và sản xuất có trách nhiệm với cộng đồng;

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền thực hành nuôi trồng thủy sản có trách nhiệm đồng thời phối hợp với các dự án kết nối giữa các công ty với các HTX/THT thực hiện các chứng nhận theo nhu cầu thị trường và tiếp tục triển khai các hoạt động thuộc Đề án “Phát triển chuỗi cung cấp thực phẩm an toàn và truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông nghiệp bằng tem điện tử trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2019-2021”.

3. Đẩy mạnh quản lý nuôi tôm theo lịch thời vụ

Tiếp tục đẩy mạnh việc tuyên truyền lịch thời vụ nuôi tôm nước lợ trên địa bàn huyện. Trường hợp cần thiết, sẽ điều chỉnh lịch thả giống cho phù hợp với điều kiện sản xuất.

Cập nhật diễn biến tình hình: diện tích thả nuôi, thu hoạch, sản lượng và diện tích thiệt hại trên tôm nuôi. Thống nhất trong toàn huyện xác định ngày tuổi tôm tính thiệt hại: đối với tôm thẻ chân trắng < 45 ngày tuổi; đối với tôm sú < 60 ngày tuổi, cập nhật sản lượng (nếu có).

4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, các mô hình hiệu quả và xây dựng mô hình trình diễn tiết kiệm chi phí

Phối hợp các ngành chức năng đổi mới công tác tuyên truyền, gồm hình thức, nội dung và phương pháp hợp tác chuyên gia khoa học kỹ thuật. Hình thức tọa đàm, đối thoại trực tiếp, online với chủ đề theo từng giai đoạn và những khó khăn, thách thức xảy ra trong thực tế. Phương pháp hợp tác: thực hiện hợp tác công tư, kết hợp ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp và các nghiên cứu, đóng góp của các nhà khoa học như mô hình FFS (Farm Field School - Trường học trên cánh đồng); Diễn đàn khoa học công nghệ, đối thoại, chương trình café sáng nhà tôm...

Đẩy mạnh tuyên truyền các mô hình nuôi có hiệu quả như: Mô hình ứng dụng chế phẩm hữu cơ trong nuôi tôm nước lợ; Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng hai giai đoạn bằng ao nuôi lót bạt; Mô hình nuôi tôm lót bạt lưới; Mô hình cải tiến quy trình kỹ thuật nuôi tôm sú hai giai đoạn; Mô hình nuôi tôm mật độ thưa kết hợp ứng dụng biện pháp sinh học (kết hợp nuôi cá rô phi trong ao lắng); Mô hình nuôi thâm canh ao tròn ba giai đoạn. Tùy vào điều kiện của từng hộ nuôi mà áp dụng mô hình phù hợp có hiệu quả.

5. Kiểm soát nguồn giống

Tăng cường công tác quản lý giống nhập huyện, khuyến cáo hộ nuôi mua giống phải qua kiểm dịch và qua giai đoạn ương dưỡng đạt tiêu chuẩn quy định.

6. Công tác quan trắc môi trường nước và phòng chống dịch bệnh:

Chủ động cập nhật thông tin về quan trắc môi trường và phòng, chống dịch bệnh trên tôm để chuẩn bị tốt về: nhân lực, kinh phí, vật tư, hoá chất để chống dịch trong thể chủ động, phục vụ Nuôi trồng thủy sản, thông tin quan trắc dịch bệnh tại các vùng nuôi trọng điểm của huyện để cảnh báo dịch bệnh cho người nuôi, cung cấp thông tin thời tiết cho các địa phương, chỉ đạo vùng nuôi và phổ biến đến tận người dân. Nâng cao năng lực hệ thống giám sát và báo cáo dịch bệnh nhằm phát hiện kịp thời và xử lý dịch, hạn chế lây lan trên diện rộng. Thực hiện tọa đàm tại các vùng nuôi có diện tích thiệt hại cao hoặc dịch bệnh diễn biến phức tạp, phân công cán bộ giám sát vùng nuôi và hướng dẫn người nuôi xử lý các ổ dịch, hạn chế lây lan trên diện rộng. Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh về tình hình dịch bệnh, kết quả giám sát dịch bệnh, kết quả quan trắc tại các kênh cho người nuôi thông qua đài truyền thanh, các bản tin....

7. Về quản lý vật tư đầu vào, ATTP

Phối hợp các ngành chức năng tăng cường thanh, kiểm tra đột xuất nhằm xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về mua bán, sử dụng thức ăn, hóa chất

cấm, chế phẩm sinh học không có trong danh mục được phép lưu hành, con giống không rõ nguồn gốc.

Tiếp tục phối hợp thực hiện công tác thanh kiểm tra về an toàn thực phẩm và phòng chống bơm chích tạp chất trong tôm. Tổ chức cho hộ nuôi tôm (cơ sở sản xuất ban đầu) ký cam kết không đưa tạp chất vào tôm thương phẩm.

Phối hợp với ngành chuyên môn tổ chức lấy mẫu kiểm soát dư lượng đề kiểm soát kháng sinh trên thủy sản, đồng thời tiếp tục tổ chức cho người nuôi tôm ký cam kết không đưa tạp chất vào tôm thương phẩm.

IV. Tổ chức thực hiện:

1. Phòng Nông nghiệp và PTNT

Tham mưu thực hiện quy hoạch chuyên ngành nuôi trồng thủy sản theo Luật Quy hoạch mới.

Thường xuyên thông tin, theo dõi và đôn đốc các đơn vị trong công tác triển khai, thực hiện cơ chế, chính sách, Quy hoạch, Đề án, Dự án, Chương trình,... và báo cáo theo kế hoạch đề ra.

Tập trung phối hợp với các cơ quan chuyên môn và địa phương tuyên truyền đến người nuôi thực hiện khung lịch mùa vụ thả giống nuôi tôm nước lợ năm 2020.

Tăng cường quản lý vùng nuôi theo Luật Thủy sản 2017: tập trung phối hợp thực hiện cấp mã số nhận diện ao nuôi các đối tượng nuôi chủ lực theo Nghị định 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Tăng cường thực công tác quản lý giống, thức ăn và sản phẩm xử lý cải tạo môi trường theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT; phối hợp thẩm định, chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thủy sản theo Thông tư 38/TT – BNNPTNT.

Phối hợp xây dựng nội dung triển khai thực hiện quan trắc môi trường nước phục vụ nuôi trồng thủy sản. Trong đó chú trọng triển khai lắp thiết bị đo quan trắc môi trường nước tự động tại các vùng nuôi ngoài tự nhiên và vùng nuôi trọng điểm.

Tiếp tục phối hợp tổ chức cho các hộ nuôi ký cam kết không đưa tạp chất vào tôm nguyên liệu.

Phối hợp với các đơn vị chuyên môn, viện, trường tổ chức hội nghị chuyên đề về nuôi trồng thủy sản tại các vùng nuôi trọng điểm trước và trong vụ nuôi mời các diễn giả đối thoại trực tiếp với người dân đưa ra giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất.

Phối hợp triển khai tuyên truyền Luật thủy sản và các quy định có liên quan.

Đẩy mạnh tuyên truyền ứng dụng VietGAP trong nuôi trồng thủy sản. Trên cơ sở đó, đơn vị tiếp tục phối hợp với các đơn vị dự án kết nối giữa người nuôi

với các nhà máy chế biến, doanh nghiệp áp dụng thực hành các chứng nhận theo yêu cầu thị trường.

Phối hợp cùng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện kế hoạch, định kỳ tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo, đánh giá kết quả gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT.

Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, gắn với thị trường tiêu thụ. Hình thành và nâng cao hiệu quả hoạt động của các Hợp tác xã, Tổ hợp tác trong việc liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm thủy sản.

Hướng dẫn và thúc đẩy sản xuất đa dạng sản phẩm chế biến từ thủy sản, góp phần đạt mục tiêu mỗi xã một sản phẩm (OCOP).

Tăng cường công tác thông tin và dự báo thị trường đáp ứng yêu cầu đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp và nông dân.

Nghiên cứu đề xuất những chính sách hỗ trợ các THT/HTX (tài chính, nâng cao năng lực,...)(trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản) nhằm hỗ trợ kịp thời.

2. Trạm Chăn nuôi và Thú y

Xây dựng kế hoạch dự phòng nguồn hóa chất để kịp thời xử lý tình huống khi dịch bệnh thiệt hại xảy ra.

Đẩy mạnh công tác phối hợp kiểm tra, thu mẫu theo dõi tình hình dịch bệnh khoanh vùng, dập dịch thông tin kịp thời đến các vùng nuôi không để lây lan khi có dịch xảy ra... Đồng thời, xử lý kịp thời các hành vi dẫu dịch, xả thải nước ao nuôi bị bệnh ra ngoài môi trường mà chưa xử lý theo qui định.

3. Trạm Khuyến nông

Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao kỹ thuật cho người nuôi, hướng dẫn hỗ trợ kỹ thuật nuôi và nhận diện phòng chống dịch bệnh. Thường xuyên bám sát địa bàn và đề xuất kịp thời những mô hình đạt hiệu quả để nhân rộng.

Xây dựng mô hình trình diễn nuôi tôm áp dụng các giải pháp tiết kiệm chi phí nhằm giảm giá thành trong sản xuất tôm nước lợ.

4. UBND các xã, thị trấn (có nuôi tôm nước lợ)

Chủ động đề xuất, triển khai thực hiện các giải pháp phát triển tôm nước lợ năm 2020 trên địa bàn theo tinh thần Kế hoạch này.

Theo dõi thống kê tỷ lệ hộ nuôi thủy sản, diện tích nuôi có công trình nuôi đạt yêu cầu kỹ thuật, nuôi theo tiêu chuẩn, theo các mô hình hiệu quả làm cơ sở quản lý tốt hơn nghề nuôi thủy sản tại địa phương đồng thời theo dõi tình hình thả nuôi và thiệt hại báo cáo hằng tuần, tháng về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp đề xuất xử lý kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch Tổ chức triển khai, thực hiện các giải pháp phát triển nuôi tôm nước lợ năm 2020, đề nghị thủ trưởng các đơn vị, phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn phối hợp chặt chẽ và triển khai tốt kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những khó khăn, vướng mắc, đề

ngợi các cơ quan, đơn vị phản ánh về phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
đề báo cáo UBND huyện xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở NN & PTNT tỉnh;
- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- Các Phòng, Ban ngành huyện;
- Đài Truyền thanh huyện;
- UBND các xã, TT,
- Lưu VP: (NC, LT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

10. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

[Handwritten signature]

Trịnh Văn Bé